



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP chứng khoán Thiên Việt

Ngày 31/12/2025	16,550 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.1%	-0.3%	11.1%

DT thuần Q4/25
59.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼165 -73.5%
YoY: ▼76.3 -56.1%

LN thuần Q4/25
6.84
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.93 651%
YoY: ▼2.60 -27.6%

LN sau thuế Q4/25
85.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.1 84.5%
YoY: ▲ 31.9 59.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
268%
YoY: +/- ▼ 65.6%

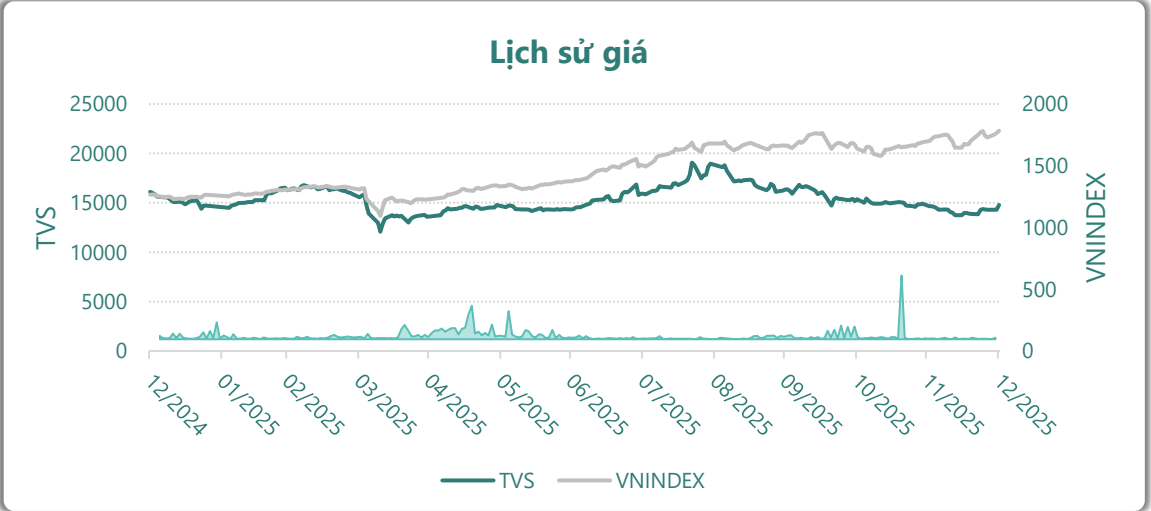
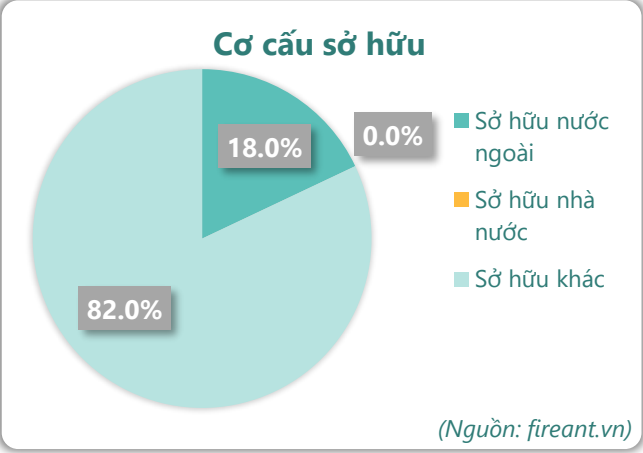
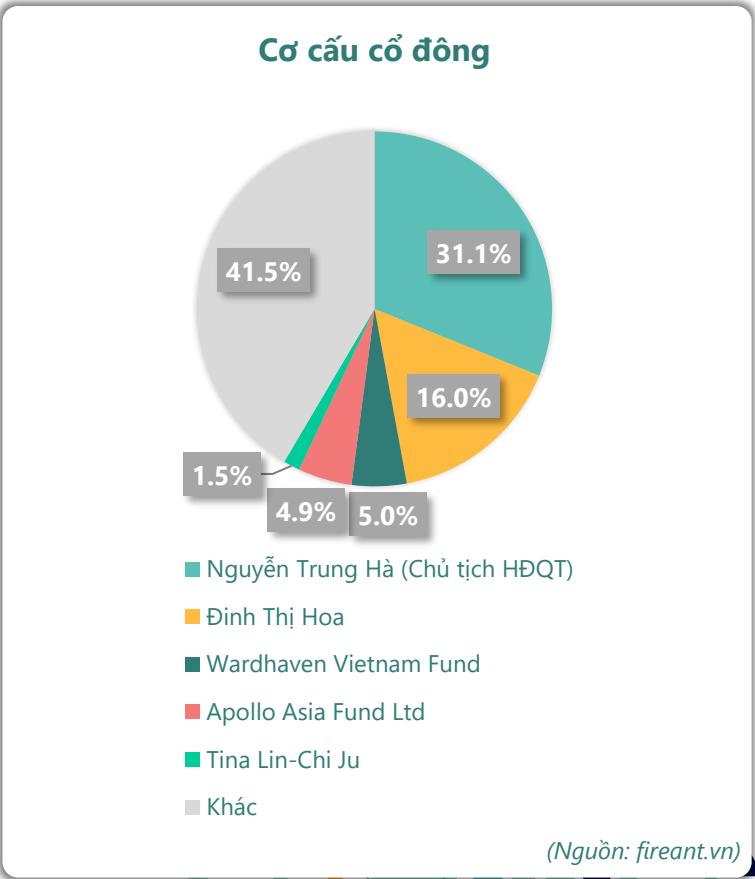
ROE 2025

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,078 - 19,079
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,317
Số lượng CPLH (CP)	200,393,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	271,587
Sở hữu nước ngoài	18.0%
Beta	1.01
EPS	1,429
P/E	11.6

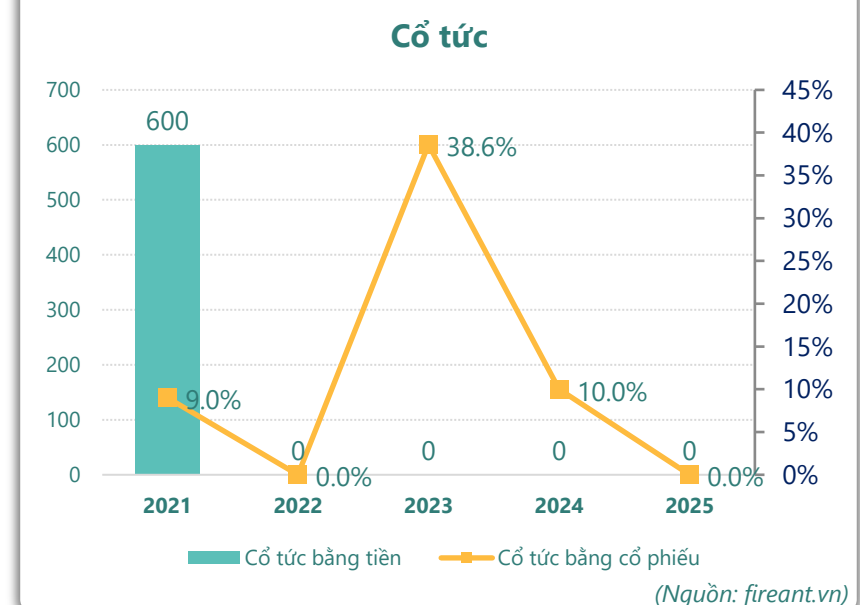
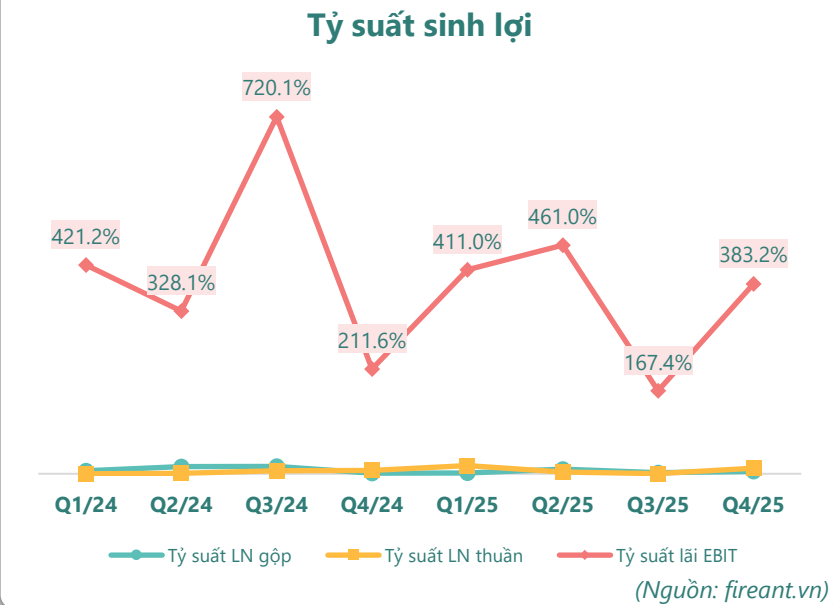
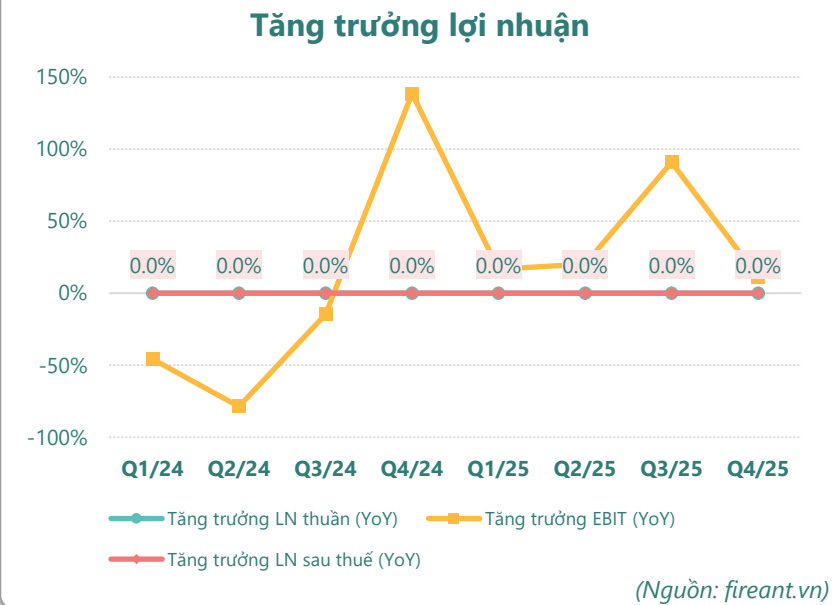
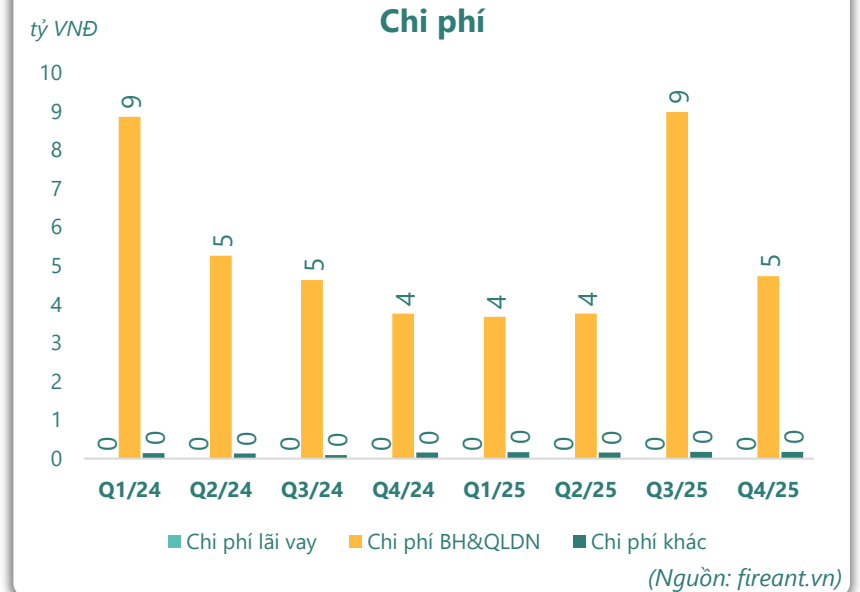
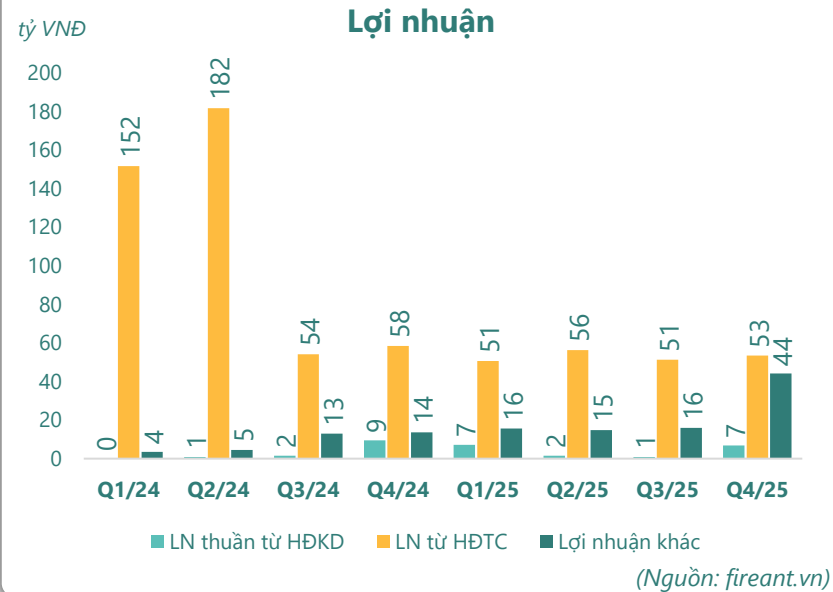
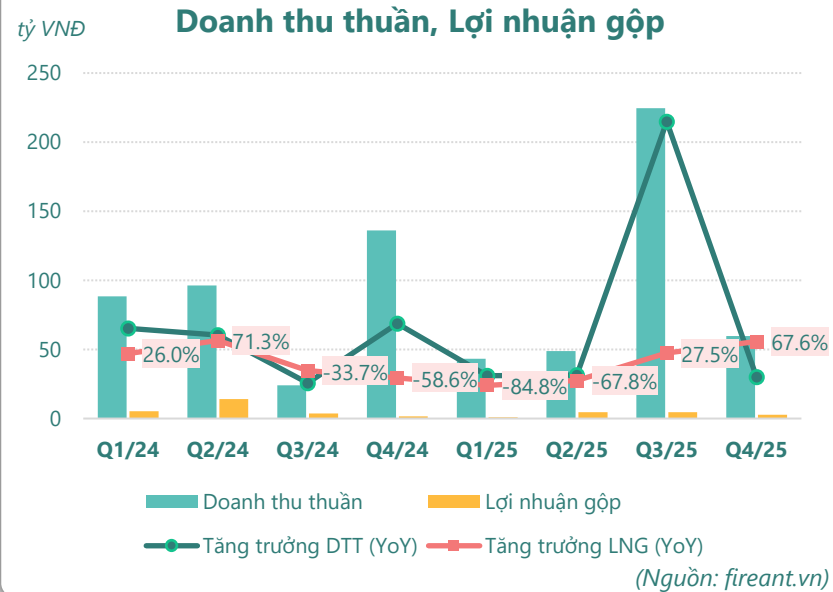
DT thuần 2025
376
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0 9.1%

LN thuần 2025
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.60 38.7%

LN sau thuế 2025
207
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0 10.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH





TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

Tổng TS

2021 2022 2023 2024 2025

Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

100%
90%
80%
70%
60%
50%
40%
30%
20%
10%
0%

2021 2022 2023 2024 2025

Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

2,500
2,000
1,500
1,000
500
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

45
40
35
30
25
20
15
10
5
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

1
1
1
1
1
1
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

6,000
5,000
4,000
3,000
2,000
1,000
0

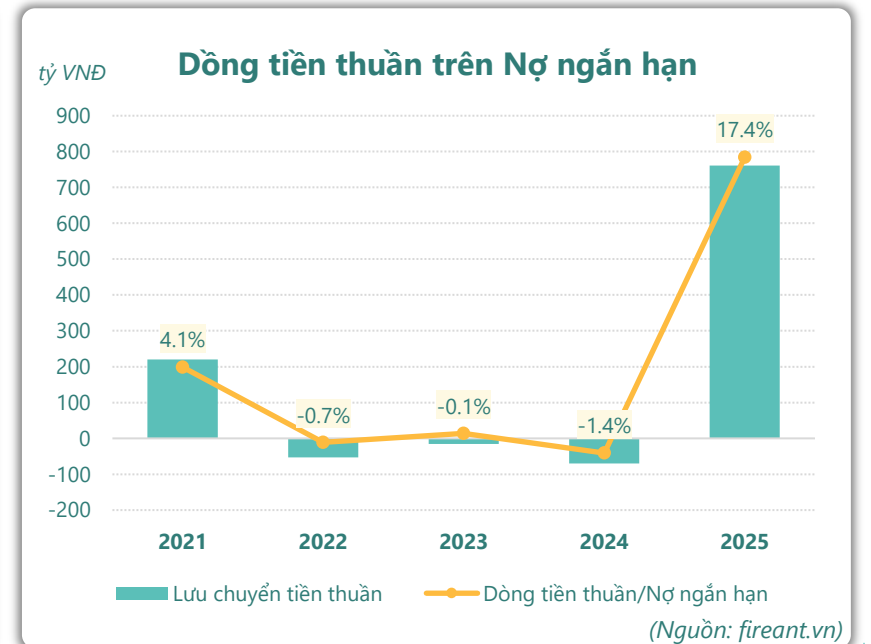
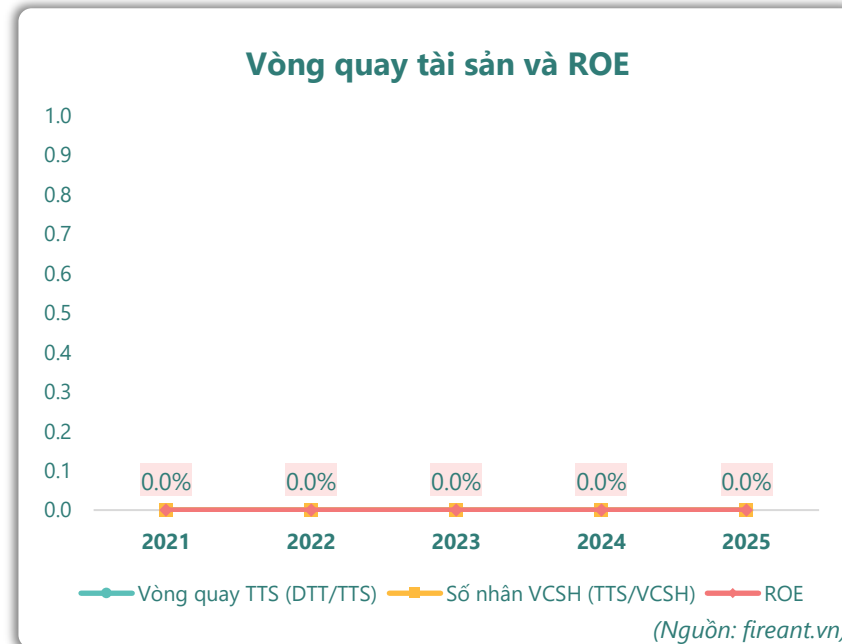
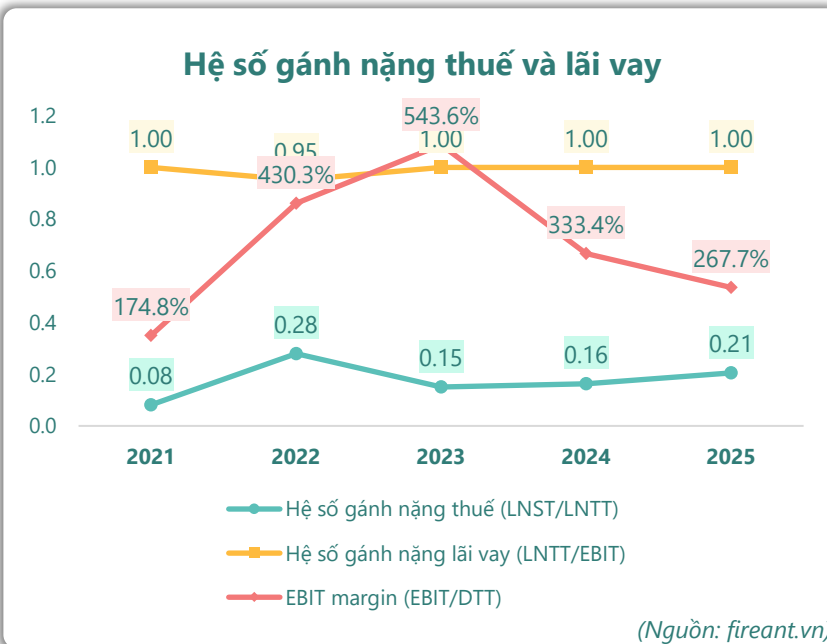
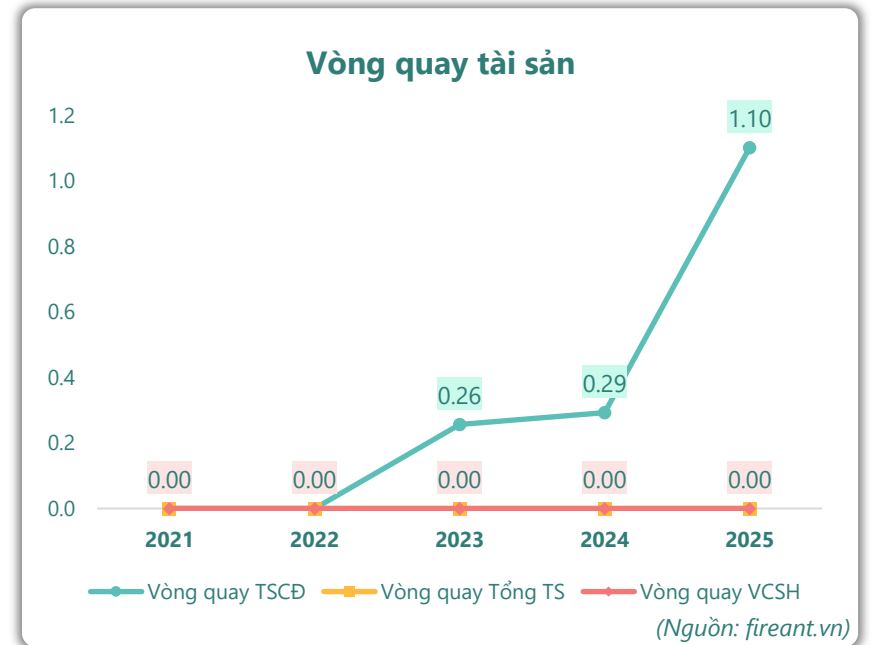
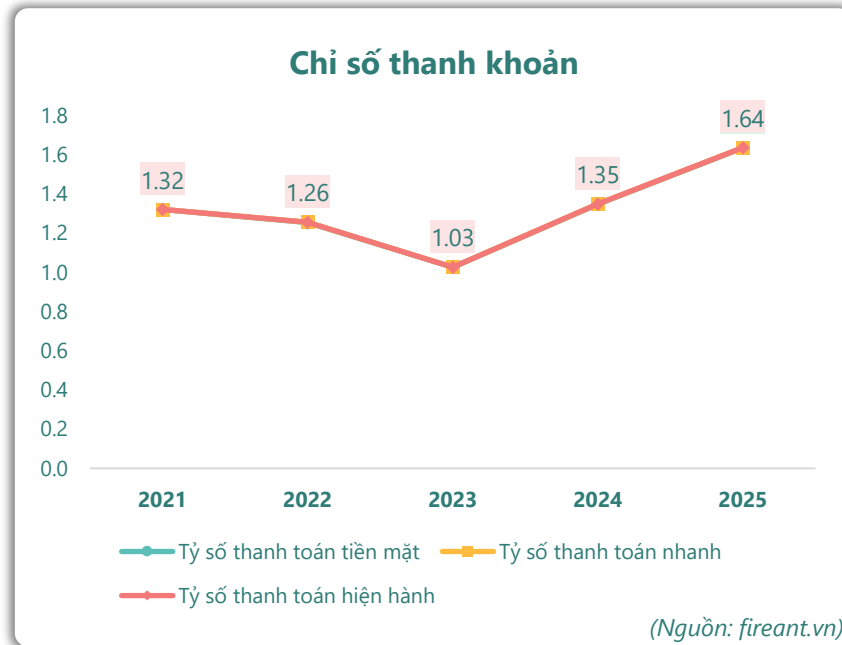
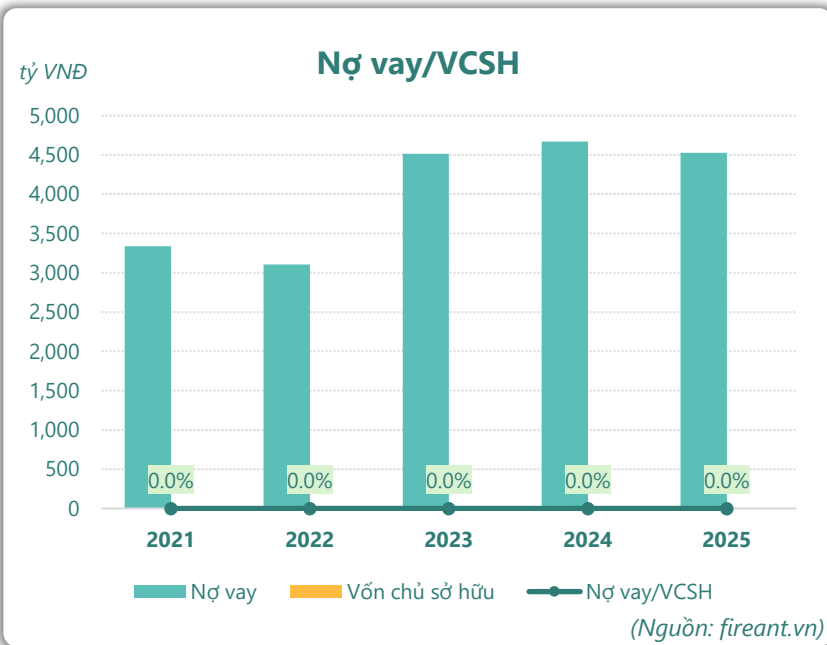
Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	59.7	136	-56.1%	376	345	9.1%
Giá vốn hàng bán	36.3	49.9	-27.4%	201	205	-1.7%
Lợi nhuận gộp	2.66	1.59	67.2%	12.5	24.4	-48.7%
Doanh thu HĐTC	63.8	65.8	-3.0%	250	476	-47.4%
Chi phí TC	10.5	7.34	42.4%	38.6	30.0	28.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.73	3.76	25.9%	21.2	22.5	-6.0%
Chi phí QLDN	0	0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	6.84	9.44	-27.6%	16.5	11.9	38.7%
Lợi nhuận khác	44.1	13.7	222%	90.4	34.7	161%
LN trước thuế	229	288	-20.6%	1,007	1,150	-12.4%
Lợi nhuận sau thuế	85.4	53.5	59.6%	207	188	10.1%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-393	-322	85.4	721	-732	576
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.59	-6.51	7.09	-86.2	-18.0	17.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	388	265	-169	-353	684	29.4
Tiền đầu kỳ	281	275	211	134	417	350
Lưu chuyển tiền thuần	-5.71	-63.6	-77.0	282	-66.2	622
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	275	211	134	417	350	971

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	7,176	6,788	5.7%
Tiền và tương đương tiền	7,170	6,783	5.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	407	312	30.6%
Hàng tồn kho	0.20	0.19	5.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	6.10	4.96	23.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	238	444	-46.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.5	35.5	11.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.39	1.44	-3.3%
Lợi thế thương mại	10.1	10.1	0.2%
Nợ phải trả	4,702	5,051	-6.9%
Nợ ngắn hạn	4,384	5,032	-12.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,210	4,652	-9.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	318	19.2	1556%
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

